

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-ST  
Ngày: 23 / 9 / 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Bà Bùi Thị Phương Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 18/TB-TA ngày 25/8/2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 20/TB-TA ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH Mua Bán Nợ X (gọi tắt Công ty X), trụ sở chính: phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện theo pháp luật:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Chức vụ: Giám đốc  
***Đại diện theo ủy quyền:*** Công ty luật TNHH Đại Long, địa chỉ: quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện theo ủy quyền của Công ty luật TNHH Đại Long:*** Ông Trần Hữu Ý - Chức vụ: Nhân viên, địa chỉ: quận C, thành phố Cần Thơ.

***Bị đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 8, ấp V1, xã VT, thành phố K, tỉnh An Giang.

Ông Ý có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày: Vào ngày 14/6/2017, ông Trần Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20170624-0000460 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC vay số tiền 36.925.000 (*Ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng với lãi suất thỏa thuận 2,63% tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 49.591.781 (*Bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một*) đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.093.199 (*Hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn một trăm chín mươi chín*) đồng, tháng cuối cùng trả 1.448.204 (*Một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm lẻ bốn*) đồng, bắt đầu từ ngày 12/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC được 11 lần với tổng số tiền đã trả 23.166.000 (*Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng. Kể từ ngày 31/01/2019 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Ngày 28/12/2018, khoản nợ của ông T được Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ X theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC- CEOO-18-0006.

Do ông T trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH Mua Bán Nợ X yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 26.425.781 (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi một*) đồng, trong đó nợ gốc tính đến ngày 12/6/2019 là 20.216.266 (*Hai mươi triệu hai trăm mười sáu nghìn hai trăm sáu mươi sáu*) đồng và tiền lãi 6.209.515 (*Sáu triệu hai trăm lẻ chín nghìn năm trăm mười lăm*) đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Văn bản Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 20170624-0000460 ngày 14/6/2017, bảng kế hoạch trả nợ, lịch sử thanh toán, Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC- CEOO-18-0006 ngày 28/12/2018 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn T tại địa chỉ: tổ 8, ấp V1, xã VT, thành phố K, tỉnh An Giang. Đồng thời, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của bà Lê Thị Hà (là vợ ông T) về việc nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án, xác định ông T có vay tiền của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC, mục đích vay dùng cho sinh hoạt gia đình và còn nợ Công ty số tiền 26.425.781 đồng. Bà Hà được biết khoản nợ của ông T đã chuyển nhượng

cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ X và Công ty yêu cầu ông T trả số tiền 26.425.781 đồng, trong đó nợ gốc là 20.216.266 đồng và tiền lãi 6.209.515 đồng. Bà Hà đồng ý cùng ông T tiếp tục trả nợ cho Công ty X.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện người thân ông T là bà Lê Thị Hà có gửi trả thêm vốn 1.500.000 đồng. Nay Công ty X yêu cầu ông Trần Văn T trả một lần số tiền còn lại 24.925.781 đồng (vốn gốc là 18.716.266 đồng, tiền lãi 6.209.515 đồng), không đồng ý theo ý kiến của bà Hà xin thay ông T trả dần cho đến khi trả dứt nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định Điều 227 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Ngày 14/6/2017 ông Trần Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20170624-0000460 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC vay số tiền 36.925.000 đồng, hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả. Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T đã nhận đủ tiền, nhưng chỉ trả được 11 lần tổng số tiền 23.166.000 đồng thì ngưng trả cho đến nay. Ngày 28/12/2018, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chuyển nhượng lại khoản nợ của ông Trần Văn T cho Công ty TNHH mua bán nợ X. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và còn nợ lại Công ty vốn và lãi với tổng số tiền là 24.925.781 đồng nên Công ty TNHH mua bán nợ X khởi kiện ông T trả một lần số tiền còn nợ.

Thỏa thuận vay nợ giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC với ông Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, xét thấy việc Công ty tài

chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC có thỏa thuận chuyển giao khoản nợ của ông T sang Công ty TNHH mua bán nợ X là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bên vay – ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay của Công ty TNHH mua bán nợ X nên việc Công ty TNHH mua bán nợ X khởi kiện yêu cầu ông T trả một lần số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn ông T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý, triệu tập hợp lệ hòa giải nhưng ông T cố tình né tránh, không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông T không đến, không ý kiến thể hiện ông đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 70, Điều 91 BLTTDS, nên ông phải chịu trách nhiệm về yêu cầu cũng như chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp, có yêu cầu được trả dần khoản nợ nhưng không được phía công ty X đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc bà Lê Thị Hà (vợ ông T) xin trả thay nhưng không được phía Công ty X chấp nhận nên không có cơ sở giải quyết.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 365, 463, 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH mua bán nợ X 24.925.781 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *\* Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản với bị đơn ông Trần Văn T có nơi cư trú tại tổ 8, ấp V1, xã VT, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

#### *\* Về nội dung:*

[3] Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 14/6/2017, ông Trần Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 20170624-0000460 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC vay số tiền 36.925.000 (Ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng với lãi suất thỏa thuận 2,63% tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 49.591.781 (Bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng (gồm cả gốc và lãi), Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T thanh toán cho

Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC được 11 lần với tổng số tiền đã trả 23.166.000 (*Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng và ngưng trả từ ngày 31/01/2019 đến nay. Sau đó, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC đã chuyển nhượng khoản nợ của ông T cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ X, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 12/6/2019, ông T còn nợ Công ty X số tiền là 26.425.781 đồng (nợ gốc là 20.216.266 đồng, tiền lãi là 6.209.515 đồng). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bà Hà (vợ ông T) đã trả thêm 1.500.000 đồng tiền vốn. Do vậy, số nợ vốn lãi còn lại của ông T là 24.925.781 đồng.

Xét, giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC và ông Trần Văn T có ký kết hợp đồng tín dụng để ông T vay tiền. Hợp đồng giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình vay do ông T không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Ngày 28/12/2018, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC đã bán khoản nợ vay của ông T cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ X theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEO-18-0006, với số dư nợ là 24.925.781 đồng nên công ty TNHH Mua Bán Nợ X có quyền yêu cầu ông T thanh toán nợ theo hợp đồng vay. Quá trình thu hồi nợ Công ty X đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không trả nên Công ty X đã khởi kiện. Việc Công ty X khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ còn lại 24.925.781 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 365, Điều 450, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty X số tiền 24.925.781 đồng (vốn gốc là 18.716.266 đồng, tiền lãi 6.209.515 đồng).

Nếu quá hạn thỏa thuận hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về phương thức thanh toán: Bà Lê Thị Hà xin thay ông T trả dần khoản nợ nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ để xem xét.

[5] Án phí:

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho Công ty X nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.246.289 đồng.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 365, Điều 450, Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X.

Buộc ông Trần Văn T trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X số tiền 24.925.781 (Hai mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi một) đồng (vốn gốc 18.716.266 đồng, tiền lãi 6.209.515 đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Án phí:

Ông Trần Văn T phải chịu 1.246.289 (Một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X số tiền 660.645 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0002256 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ X có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**Nguyễn Thanh Ngọc**